CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Địa ốc Đà Lạt

Ngày 30/06/2025	18,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**-6.5%**

DT thuần
Q2/25
2.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.14| -6.1%
YoY: ▼0.92| -29.7%

LN thuần
Q2/25
-0.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.30| -110%
YoY: ▼0.56| -5576%

LN sau thuế
Q2/25
-0.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.37| -101%
YoY: ▼2.01| -159%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-14.0%
YoY: +/-▼ 17.5%

ROE (TTM)
Q2/25
-80.3%
YoY: +/-▲ 15.0%

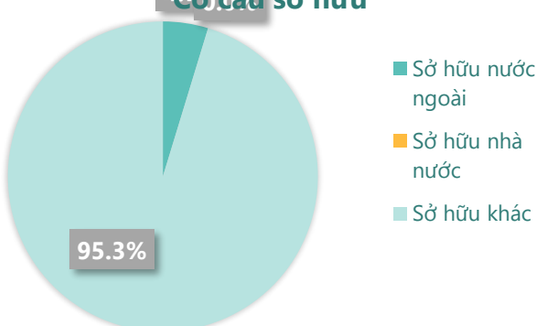
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,900 - 25,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
Số lượng CPLH (CP)	4,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	4.7%
Beta	0.10
EPS	2,111
P/E	8.8

DT thuần
6T 2025
4.52
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.67| -27.1%

LN thuần
6T 2025
-0.84
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.01| -0.7%

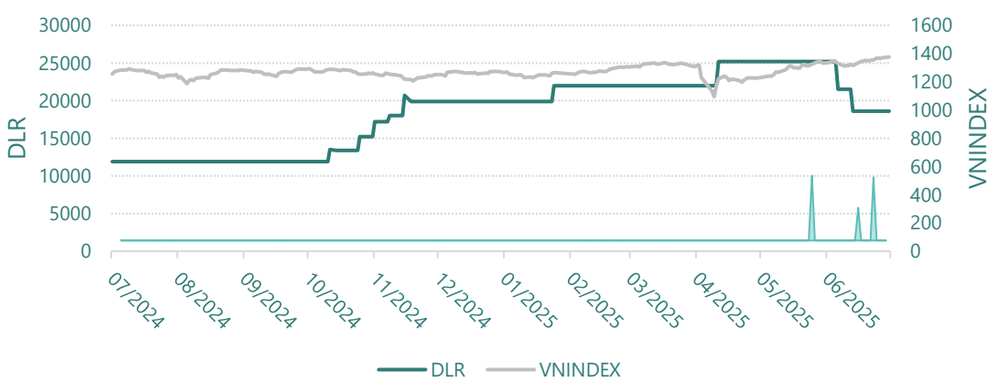
LN sau thuế
6T 2025
-1.11
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.32| -626%

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

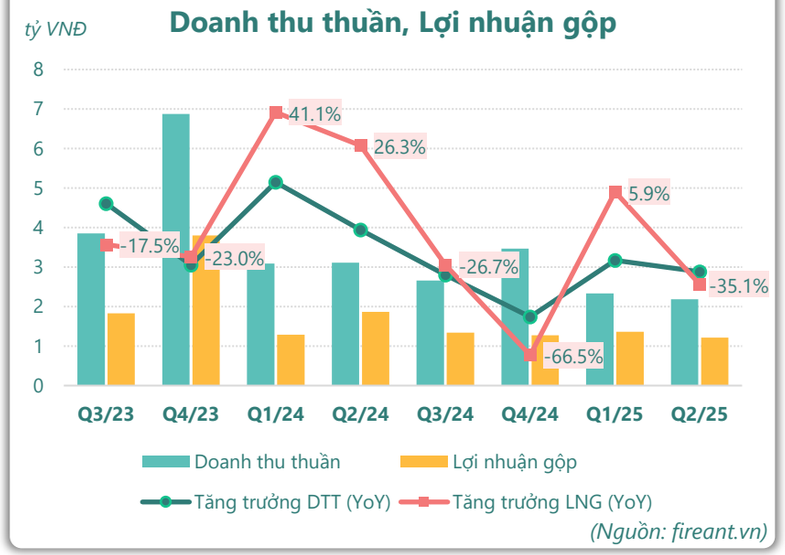


Cơ cấu cổ đông

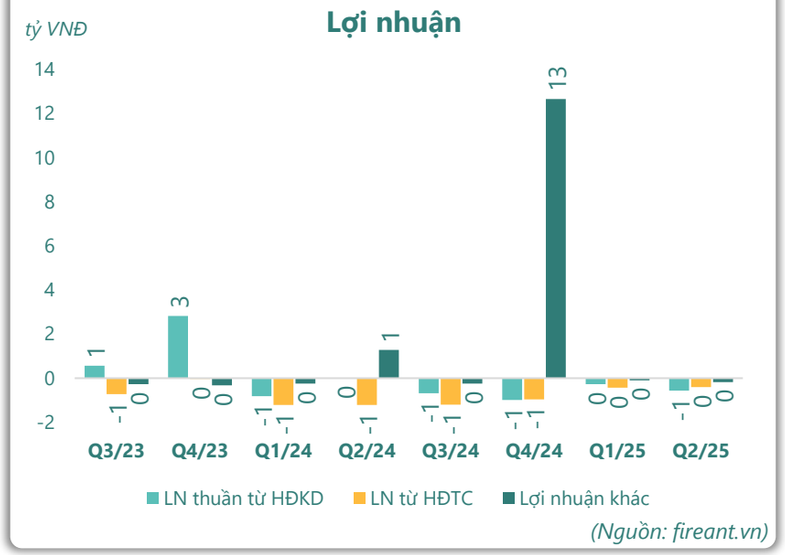


(Nguồn: fireant.vn)

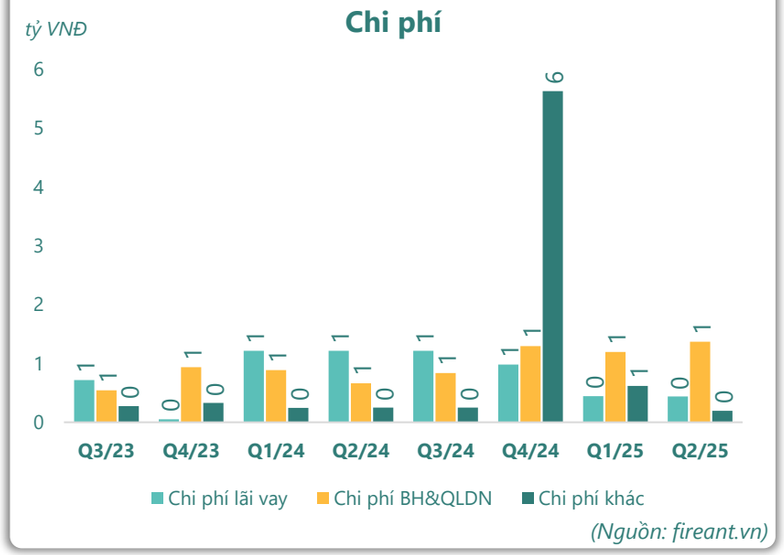
KẾT QUẢ KINH DOANH



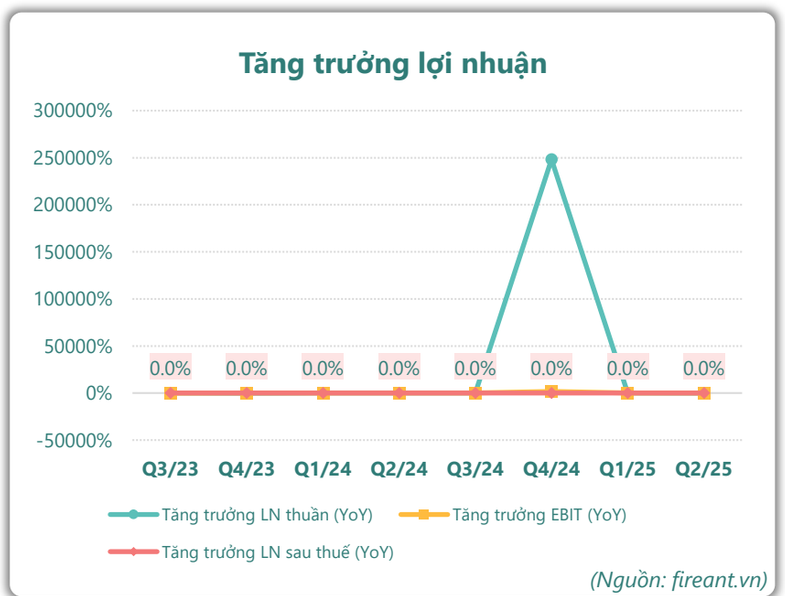
(Nguồn: fireant.vn)



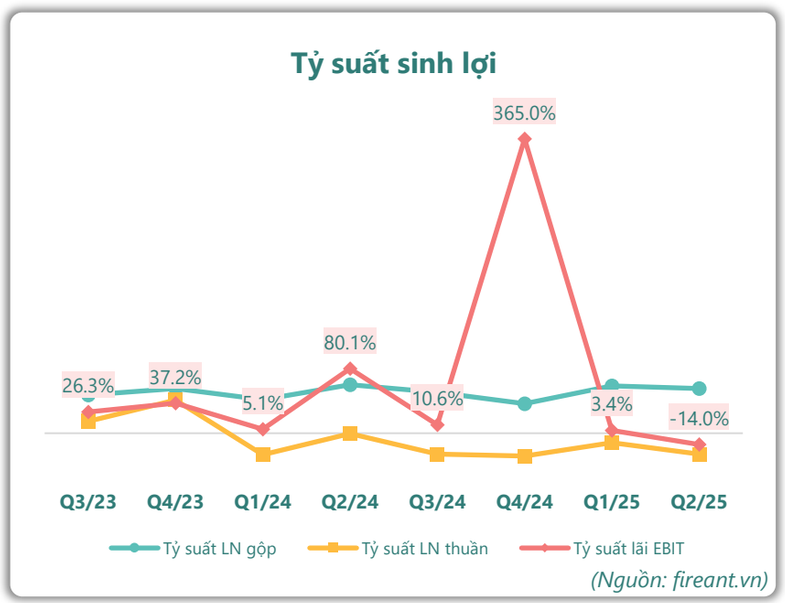
(Nguồn: fireant.vn)



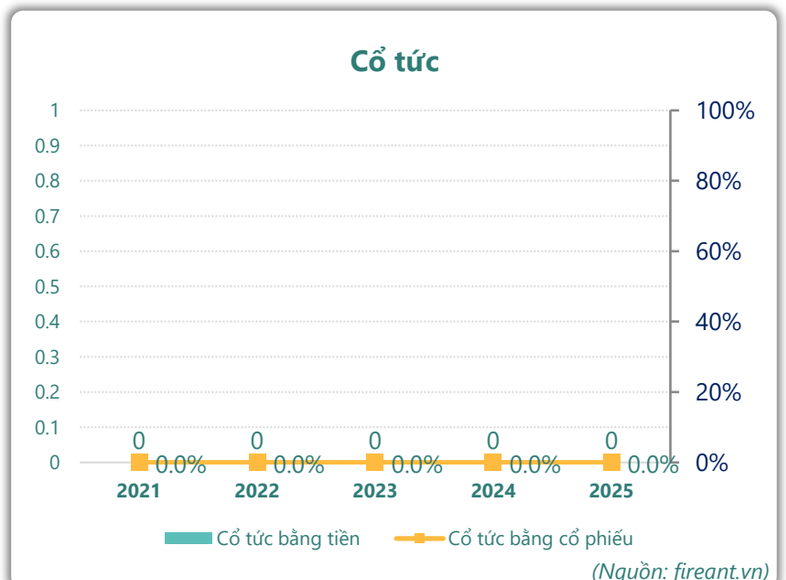
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



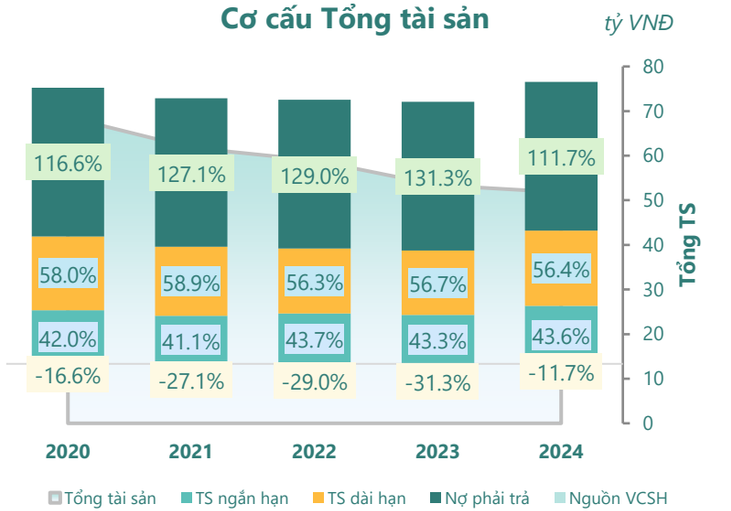
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

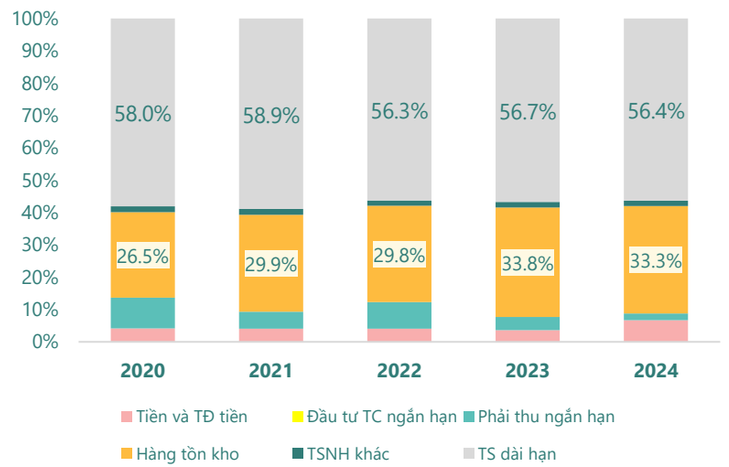
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



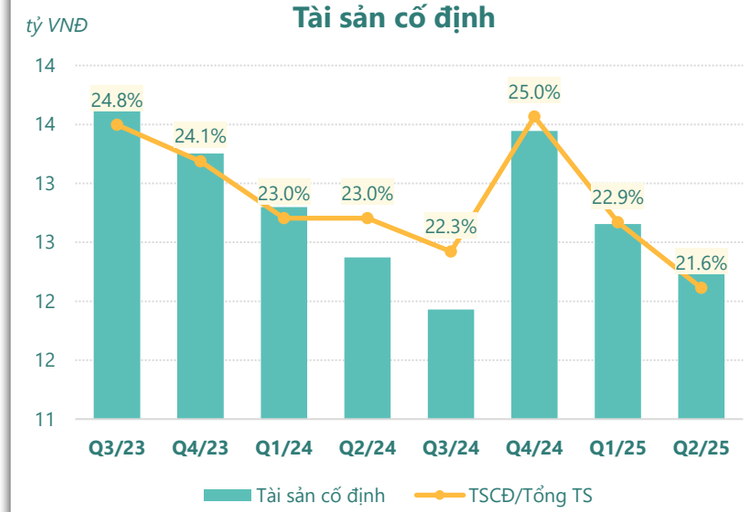
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



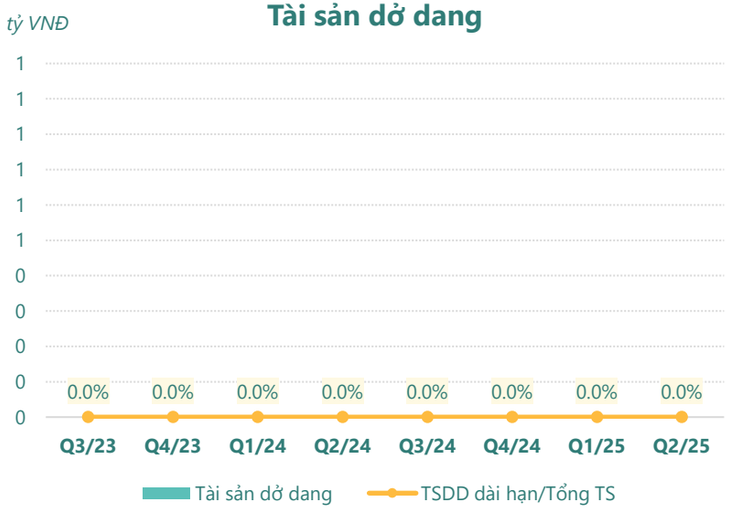
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



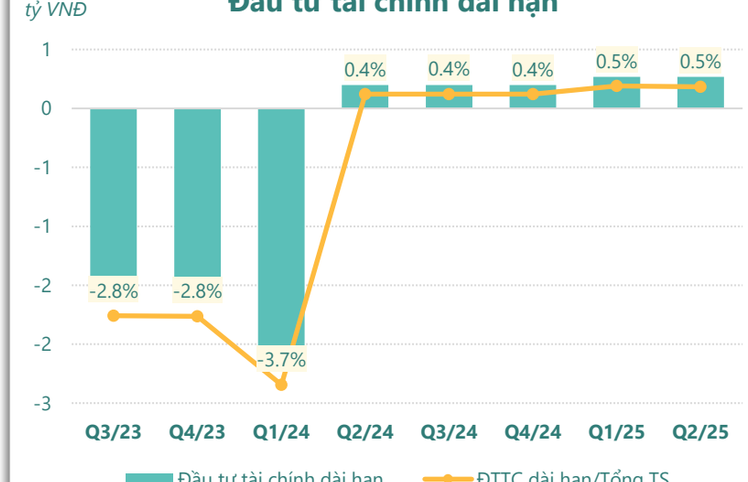
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



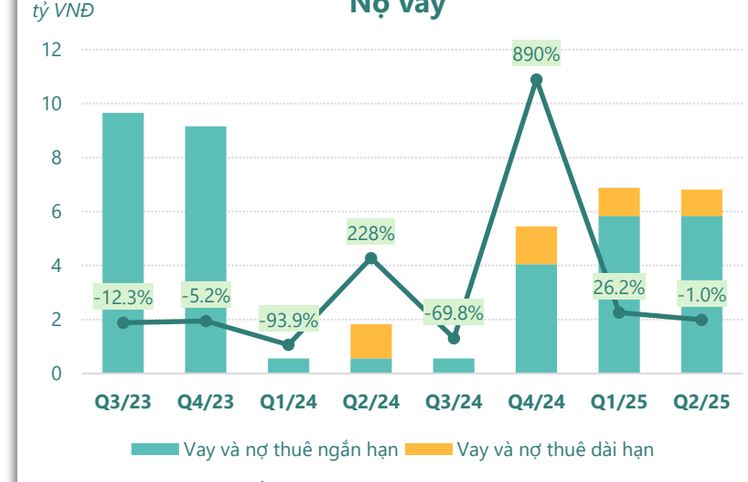
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

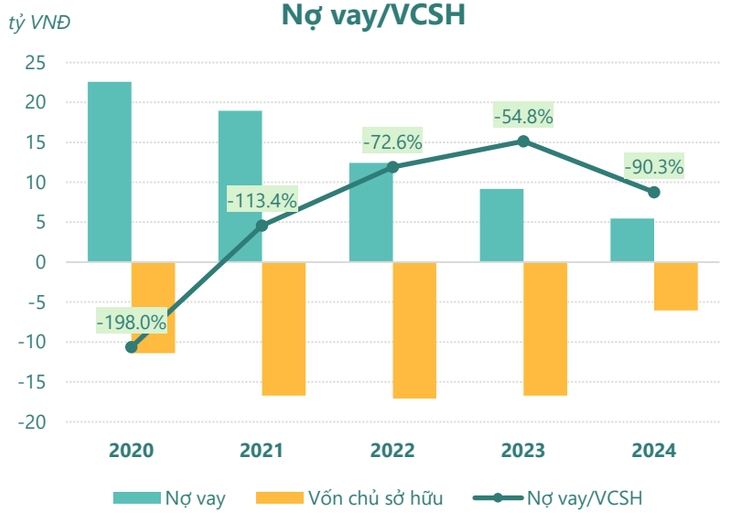
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



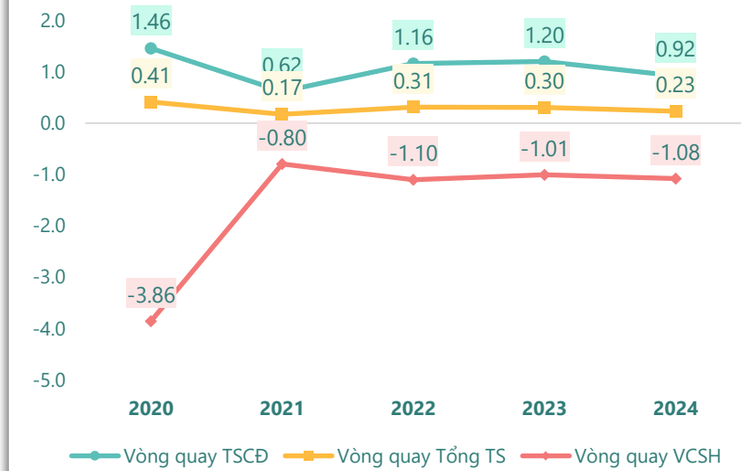
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



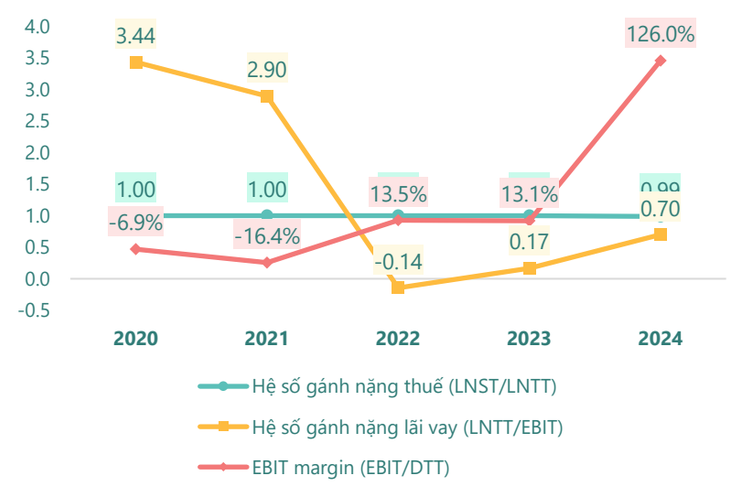
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



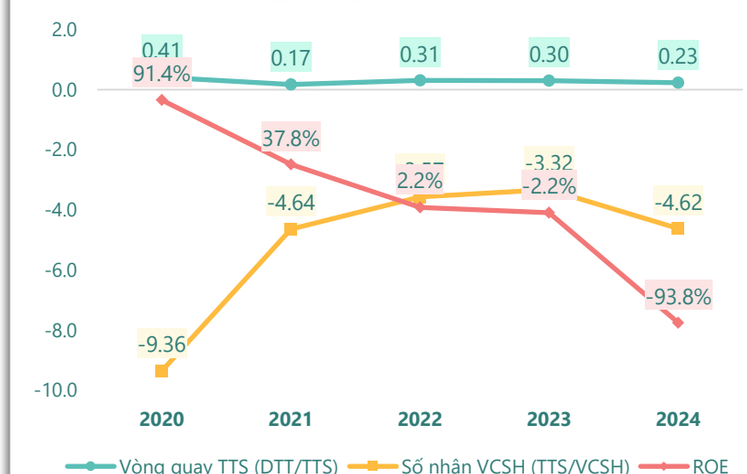
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



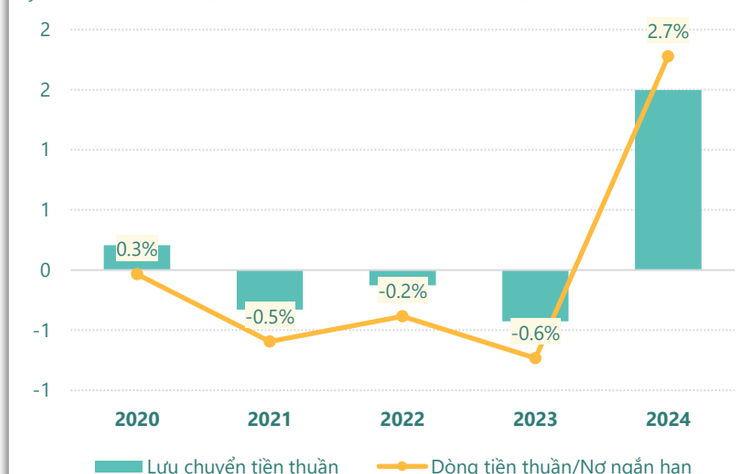
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2.19**	**3.11**	**-29.7%**	**4.52**	**6.19**	**-27.1%**
Giá vốn hàng bán	0.97	1.24	-21.4%	1.94	3.04	-36.1%
Lợi nhuận gộp	1.21	1.87	-35.2%	2.58	3.16	-18.4%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.00		0.04	0.00	1789%
Chi phí TC	0.44	1.22	-64.2%	0.88	2.44	-63.7%
Chi phí lãi vay	0.44	1.22	-64.2%	0.88	2.44	-63.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.37**	**0.66**	**107%**	**2.56**	**1.55**	**65.0%**
LN thuần từ HĐKD	-0.57	-0.01	-5576%	-0.84	-0.83	-0.7%
Lợi nhuận khác	**-0.18**	**1.29**	**-114%**	**-0.27**	**1.04**	**-126%**
LN trước thuế	-0.74	1.27	-159%	-1.11	0.21	-626%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.74**	**1.27**	**-159%**	**-1.11**	**0.21**	**-626%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.74**	**1.27**	**-159%**	**-1.11**	**0.21**	**-626%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.65	-2.87	-0.33	-2.15	0.39	-0.37
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.03	0.02	-0.70	0.01	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.01	0	4.90	1.43	-0.07
Tiền đầu kỳ	1.95	4.60	1.70	1.39	3.45	5.29
Lưu chuyển tiền thuần	**2.65**	**-2.90**	**-0.30**	**2.05**	**1.83**	**-0.42**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.60	1.70	1.39	3.45	5.29	4.87

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**56.7**	**51.8**	**9.4%**
Tài sản ngắn hạn	29.1	22.6	28.8%
Tiền và tương đương tiền	4.87	3.45	41.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	0	
Phải thu ngắn hạn	5.10	1.08	372%
Hàng tồn kho	17.6	17.2	2.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.01	0.83	21.2%
Tài sản dài hạn	**27.6**	**29.2**	**-5.6%**
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản cố định	12.2	13.4	-8.8%
Bất động sản đầu tư	14.9	15.3	-2.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.27	0.27	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.15**	**0.19**	**-18.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	63.8	57.8	10.4%
Nợ ngắn hạn	**60.0**	**55.4**	**8.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.83	4.33	34.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.8	13.3	11.4%
Nợ dài hạn	3.77	2.41	56.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.98	1.12	-12.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-7.17**	**-6.04**	**-18.7%**
Vốn chủ sở hữu	**-7.17**	**-6.04**	**-18.7%**
Vốn điều lệ	45.0	45.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)